

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MANG THÍT
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2021/HS-ST
Ngày: 25-10- 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MANG THÍT, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Vĩnh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Phẩm.

Ông Dương Sinh Huy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Hoàng Cúc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Ông Lê Thanh Phú - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 10 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 39/2021/TLST-HS ngày 09 tháng 9 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2021/QĐXXST-HS ngày 29 tháng 9 năm 2021, đối với các bị cáo:

1. **Nguyễn Đăng T**, sinh ngày 06/3/2000, tại Trại y tế xã L, huyện M, tỉnh Vĩnh Long. Nơi cư trú: ấp L1, xã L, huyện M, tỉnh Vĩnh Long; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: Kinh ; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Thanh T1, sinh 1976 và bà Nguyễn Thị Thanh T2, sinh 1978; chưa vợ, chưa con; có 03 anh chị em ruột, lớn nhất là bị cáo, nhỏ nhất sinh 2010; tiền án: chưa; tiền sự: chưa. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 02/6/2021 đến ngày 11/6/2021, bị tạm giam từ ngày 11/6/2021 và có mặt tại phiên tòa.

2. **Trần Thanh N**, sinh ngày 21/7/1992, tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Vĩnh Long. Nơi cư trú: ấp T3, xã T4, huyện L2, tỉnh Vĩnh Long; nghề nghiệp: công nhân; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh ; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn Đ, sinh 1959 (chết) và bà Đặng Ngọc Y, sinh 1957; chưa vợ, chưa con; không anh chị em ruột; tiền án: chưa; tiền sự: chưa. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 02/6/2021 đến ngày 11/6/2021, bị tạm giam ngày 11/6/2021 đến nay và có mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Võ Phương T5, sinh 1992. Địa chỉ: ấp L1, xã L, huyện M, tỉnh Vĩnh Long-văng.

2. Nguyễn Thị Thanh T2, sinh 1978. Địa chỉ: ấp L1, xã L, huyện M, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khảng 15 giờ ngày 01/6/2021, bị cáo Nguyễn Đăng T điều khiển xe mô tô mang biển kiểm soát 64G1-365.22 chở bị cáo Trần Thanh N đi chơi tại thành phố V, tỉnh Vĩnh Long. Bị cáo T rủ bị cáo N hùn tiền mua ma túy sử dụng. Bị cáo N đồng ý. Bị cáo T hùn 450.000 đồng, bị cáo N hùn 150.000 đồng. Bị cáo T chở bị cáo N đến ngã tư cầu Chợ Cua, thuộc xã T4, huyện L2, tỉnh Vĩnh Long để mua ma túy. Tại đây hai bị cáo gặp một người phụ nữ đeo khẩu trang che mặt, không xác định được nhân thân. Bị cáo T đưa người phụ nữ đó 600.000 đồng và nhận từ người phụ nữ đó 01 bọc nylon hàn kín bên trong có chứa tinh thể màu trắng được quấn bằng keo màu đen và 01 nỏ thủy tinh dùng để sử dụng ma túy và đưa cho bị cáo N cất giấu. Bị cáo T điều khiển xe chở bị cáo N trên đường Huyện 30 theo hướng từ xã L về xã H để tìm nơi sử dụng ma túy. Đến khoảng 15 giờ 45 phút cùng ngày đến nhà trọ Thành Loan, thuộc ấp L3, xã L, huyện M, tỉnh Vĩnh Long. Bị cáo T quẹo xe chạy thẳng vào trước cửa phòng trọ số 09. Bị cáo N đưa bọc nylon và cái nỏ lại cho bị cáo T. Khi đó Công an phát hiện và bắt quả tang bị cáo T đang cầm bọc nylon và cái nỏ trên tay trái. Công an lập biên bản niêm phong vật chứng để điều tra xử lý.

Tại bản kết luận giám định số 297/KLGD-PC09 ngày 03/6/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Vĩnh Long kết luận: Mẫu tinh thể màu trắng chứa bên trong bọc nylon là ma túy, có khối lượng là 0,5525 gam, loại Methamphetamine.

Ngày 10/6/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện M khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với Nguyễn Đăng T và Trần Thanh N về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự.

Cáo trạng số: 45/CT-VKS.HMT ngày 08/9/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện M đã truy tố bị cáo Nguyễn Đăng T và bị cáo Trần Thanh N về tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo T xác định Võ Phương T5 không có điện thoại rủ hùn tiền mua ma túy. Do trong quá trình điều tra, do sợ nặng tội nên khai Võ Phương T5 có điện thoại rủ hùn tiền mua ma túy.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát trong phần tranh luận giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Nguyễn Đăng T và bị cáo Trần Thanh N. Đề nghị tuyên

bộ bị cáo Nguyễn Đăng T và bị cáo Trần Thanh N phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” . Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 và Điều 17 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo T từ 01 năm 06 tháng tù đến 02 năm tù; áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 và Điều 17 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo N từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù; miễn hình phạt bổ sung cho hai bị cáo; tịch thu tiêu hủy methamphetamine còn lại sau giám định và một nỏ thủy tinh dùng để sử dụng ma túy; buộc mỗi bị cáo nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Lời nói sau cùng của hai bị cáo: Hai bị cáo đều thừa nhận phạm tội và xin giảm nhẹ hình phạt. Riêng bị cáo T xác định là trong quá trình điều tra, do sợ nặng tội nên khai Võ Phương T5 có hùn tiền mua ma túy.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Tại phiên tòa hôm nay, hai bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội đúng như Cáo trạng số 45/CT-VKS.HMT ngày 08/9/2021 của Viện kiểm sát đã truy tố. Lời khai của hai bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của hai bị cáo tại cơ quan điều tra và phù hợp với tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án như: Biên bản bắt người phạm tội quả tang ngày 01/6/2021, biên bản khám nghiệm hiện trường ngày 01/6/2021, vật chứng thu giữ, bản kết luận giám định số 297/KLGD-PC09 ngày 03/6/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Vĩnh Long, lời khai của những người chứng kiến. Hai bị cáo xác định không khiếu nại đối với quá trình tiến hành tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, của Điều tra viên, của Kiểm sát viên và lời khai của hai bị cáo là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép cung hay dùng nhục hình. Do đó, hành vi và chứng cứ, tài liệu của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Hành vi phạm tội của các bị cáo:

Tại phiên tòa, qua lời khai của hai bị cáo đã thể hiện: Vào khoảng 15 giờ ngày 01/6/2021, bị cáo T điều khiển xe mô tô mang biển kiểm soát 64G1-365.22 chở bị cáo N đi chơi tại thành phố V. Bị cáo T rủ bị cáo N hùn tiền mua ma túy sử dụng. Bị cáo T hùn 450.000 đồng, bị cáo N hùn 150.000 đồng. Bị cáo T chở bị cáo N đến ngã tư cầu Chợ Cua, thuộc xã T4, huyện L2, tỉnh Vĩnh Long để mua ma túy. Tại đây hai bị cáo gặp một người phụ nữ đeo khẩu trang che mặt, không xác định được nhân thân. Bị cáo T đưa người phụ nữ đó 600.000 đồng và nhận từ người phụ nữ đó 01 bịch nylon hàn kín bên trong có chứa tinh thể màu trắng được quấn bằng keo màu đen vào 01 nỏ thủy tinh dùng để sử dụng ma túy và đưa cho bị cáo N cất giấu. Đến khoảng 15 giờ 45 phút cùng ngày, bị cáo T chở bị cáo N đến nhà trọ Thành Loan, thuộc ấp L3, xã L, huyện M, tỉnh Vĩnh Long. Bị cáo N đưa bịch nylon

và cái nỏ lại cho bị cáo T. Khi đó Công an phát hiện và bắt quả tang bị cáo T đang cầm bịch nylon và cái nỏ trên tay trái. Tại bản kết luận giám định số 297/KLGD-PC09 ngày 03/6/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Vĩnh Long kết luận: Mẫu tinh thể màu trắng chứa bên trong bịch nylon là ma túy, có khối lượng là 0,5525 gam, loại Methamphetamine. Hai bị cáo là người đủ tuổi và đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, đã cố ý cất giữ ma túy trong người, xâm phạm đến khách thể của Bộ luật hình sự bảo vệ. Nên đủ cơ sở xác định bị cáo phạm vào tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, theo quy định điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự đúng như Cáo trạng số: 45/CT-VKS.KMT ngày 08/9/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện M đã truy tố.

[3]. Tính chất, mức độ phạm tội của các bị cáo:

Hành vi của hai bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến chính sách pháp luật của Nhà nước về quản lý các chất ma túy; gây mất ổn định, an ninh trật tự tại địa phương; ảnh hưởng trực tiếp đến phong trào: Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa khu dân cư. Chúng ta biết, ma túy là chất hướng thần, người sử dụng ma túy bị gây ảo giác và dễ nghiện, ảnh hưởng đến sức khỏe, ảnh hưởng đến tinh thần, thậm chí mất khả năng nhận thức. Ma túy là một tệ nạn xã hội thường dẫn đến nhiều hậu quả nghiêm trọng khác như trộm cắp, gây thương tích, cướp giật. Hai bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện để thỏa mãn nhu cầu của bản thân. Vì vậy, để đấu tranh ngăn chặn tệ nạn ma túy nói chung, người tàng trữ ma túy nói riêng, nhằm giữ gìn trật tự công cộng, bảo vệ tính mạng, sức khỏe, tài sản, góp phần xây dựng đời sống văn hóa khu dân cư, nên cần xử lý hai bị cáo nghiêm để giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

Trong vụ án, hai bị cáo thực hiện tội phạm không có sự phân công giao việc rõ ràng nên chỉ mang tính đồng phạm giản đơn. Nhưng trong đó bị cáo T giữ vai trò chính, là người chủ động và trực tiếp thực hiện tội phạm; bị cáo N là người giúp sức. Vì vậy khi lượng hình cần xem xét đến vai trò của từng bị cáo để xử lý tương xứng.

[4]. Tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Hai bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, hai bị cáo thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Riêng bị cáo N có cha là Trần Văn Đ là người có công và được Nhà nước tặng Huân chương chiến công hạng 3, nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[5]. Về trách tang vật: Methamphetamine còn lại sau giám định là 0,4824gam và một nỏ thủy tinh dùng sử dụng ma túy. Đây là chất Nhà nước cấm tàng trữ, cấm lưu hành và không có giá trị sử dụng. Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự và điểm c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự, tịch thu tiêu hủy là đúng pháp luật.

Đối với xe mô tô mang biển số kiểm soát 64G1-365.22 là tài sản của bị cáo T, không liên quan đến việc thực hiện tội phạm, cơ quan điều tra đã trả xe mô tô 64G1-365.22 cho bị cáo T là đúng quy định tại khoản 2 Điều 47 của Bộ luật hình sự và điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

[6]. Về hình phạt bổ sung: Xét hoàn cảnh gia đình, miễn hình phạt bổ sung cho hai bị cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 249 của Bộ luật hình sự là đúng pháp luật.

[7]. Đối với người phụ nữ bán ma túy cho hai bị cáo, hiện không rõ họ tên đầy đủ, địa chỉ cụ thể. Cơ quan điều tra xử lý khi có kết quả điều tra là đúng quy định.

[8]. Về án phí: Buộc mỗi bị cáo nộp 200.000 đồng theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội là đúng pháp luật.

Đối với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát đã xem xét đến các chứng cứ được đưa ra thẩm tra tại phiên tòa, đã đánh giá đúng hành vi, tính chất và mức độ phạm tội của hai bị cáo. Về đề nghị mức hình phạt, đại diện Viện kiểm sát đã xem xét đến các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với hai bị cáo. Do đó, chấp nhận quan điểm của đại diện Viện kiểm sát.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Đăng T và bị cáo Trần Thanh N phạm tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy”

1. Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 và Điều 17 của Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đăng T 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo Nguyễn Đăng T bị tạm giữ là ngày 02/6/2021.

2. Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 và Điều 17 của Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo Trần Thanh N 01 (một) năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo Trần Thanh N bị tạm giữ là ngày 02/6/2021.

3. Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự và điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự, tuyên: Tịch thu tiêu hủy 0,4824 gam Methamphetamine còn lại sau giám định và một nỏ thủy tinh, do Chi cục Thi hành án dân sự huyện M quản lý theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 08/9/2021.

4. Căn cứ khoản 5 Điều 249 của Bộ luật hình sự: Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo Nguyễn Đăng T và bị cáo Trần Thanh N.

5. Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1

Điều 23 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, tuyên:

5.1 Buộc bị cáo Nguyễn Đăng T nộp 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5.2 Buộc bị cáo Trần Thanh N nộp 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm. Tuyên án có mặt hai bị cáo và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án, báo cho biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Võ Phương T5 vắng mặt, báo cho biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND tỉnh Vĩnh Long;
- Sở Tư pháp Vĩnh Long;
- VKSND huyện M;
- Công an huyện M;
- THADS huyện M;
- UBND xã L, xã T4;
- Bị cáo, đương sự;
- Lưu hồ sơ.
- Lưu văn phòng.
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh Vĩnh Long;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Huỳnh Văn Vĩnh